TÒA ÁN NHÂN **THÀNH PHỐ LONG XUYÊN** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 146/2018/HNGĐ - ST
Ngày 26 - 12 - 2018
V/v *"Tranh chấp ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Ngọc Nguyên;

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vi.

- *Thư ký ghi biên bản phiên tòa:* Ông Nguyễn Trương Phi – Thư ký Tòa án.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố L không tham gia phiên tòa.***

Ngày 26 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 780/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 154/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lý Thị Bích N, sinh năm 1968. Địa chỉ: Số 81B 3, tổ 15, khóm Đ 2, phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Phi L, sinh năm 1971. Địa chỉ: Lô 1F2 đường Trường Chinh, khóm Đ 9. Phường P, thành phố L, tỉnh An Giang.

(Bà N và ông L có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, tờ tự khai ngày 26/10/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Lý Thị Bích N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Nguyễn Phi L tự nguyện tiến đến hôn nhân năm 1997, không có đăng ký kết hôn. Ông L kết hôn lần thứ nhất, tôi kết hôn lần thứ hai (chồng trước đã chết). Chúng tôi không có đăng ký kết hôn. Chúng tôi chung sống đến năm 1998 thì ly thân đến nay. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hợp nhau, thời gian ly thân đã lâu nên tôi yêu cầu được chấm dứt quan hệ hôn nhân với ông L.

- Về quan hệ con chung: Chúng tôi có 01 con chung tên Lý Hoàng Đ, sinh ngày 14/5/1998. Cong chung hiện nay đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại tờ tự khai ngày 14/11/2018 bị đơn ông Nguyễn Phi L trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất lời trình bày của bà N về thời gian sống chung, thời gian ly thân. Chúng tôi đã ly thân từ năm 1998 đến nay. Vì thời gian ly thân đã lâu, tôi và bà N ai cũng có cuộc sống riêng nên tôi đồng ý với yêu cầu của bà n là yêu cầu Tòa án không công nhận chúng tôi là vợ chồng.

- Về **quan hệ con chung:** Chúng tôi có 01 con chung tên Lý Hoàng Đ, sinh ngày 14/5/1998. Con chung hiện nay đã trưởng thành.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án:*

Nguyên đơn bà N và bị đơn ông L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 11/12/2018 lý do bận đi làm ở xa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng:***

[1.1] Tranh chấp giữa bà Lý Thị Bích N và ông Nguyễn Phi L là tranh chấp về Hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố L thụ lý giải quyết.

[1.2] Sau khi nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử, nguyên đơn bà N và bị đơn ông L có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt đề ngày 11/12/2018 lý do bận đi làm ở xa. Căn cứ khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà N và ông L.

[2] ***Về nội dung:***

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà N và ông L thống nhất, ông bà tự nguyện tiến đến hôn nhân chúng sống với nhau năm 1997. Hôn nhân lần thứ nhất của ông L, bà Ngọc kết hôn lần thứ hai (Chồng trước đã chết). Tuy nhiên, đến nay ông bà vẫn không tiến hành thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định phát luật. Thời gian chung sống hạnh phúc đến năm 1998 thì ly thân đến nay. Nguyên nhân do đời sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, do bất đồng quan điểm kéo dài, không hàn gắn được. Nhận thấy, hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên bà N và ông L thống nhất yêu cầu Tòa án không công nhận ông bà là vợ chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà N và ông L hiện nay vẫn chưa thực hiện thủ tục đăng ký kết hôn theo qui định pháp luật là đã vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 về đăng ký kết hôn, do đó Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 3 Nghị Quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội và Thông Tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ tư pháp, tuyên bố không công nhận bà Lý Thị Bích N và ông Nguyễn Phi L là vợ chồng.

[2.2] Về quan hệ con chung: Bà N và ông L có 01 (một) con chung tên Lý Hoàng Đ, sinh ngày 14/5/1998 (Đã trưởng thành) nên hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Bà Nc và ông L thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000 đ (Ba trăm nghìn đồng) tiềm tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0010631 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên, bà N đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273 và khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Điều 9 và Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 qui định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xét xử vắng mặt nguyên đơn bà Lý Thị Bích N và bị đơn ông Nguyễn Phi L.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị Bích N.

Tuyên bố bà Lý Thị Bích N và ông Nguyễn Phi L không phải là vợ chồng.

2. Về quan hệ con chung: Bà N và ông L có 01 (một) con chung tên Lý Hoàng Đ, sinh ngày 14/5/1998 (Đã trưởng thành) nên hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân sơ thẩm. Án phí được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiềm tạm ứng án phí theo

biên lai thu số 0010631 ngày 12/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố L, bà N đã nộp đủ án phí.

Bà N và ông L được quyền kháng cáo trong hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Các đương sự ;
- VKSND TP L;
- THADS TP L;
- UBND phường P, TP. L, tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Minh Trang